

PRESENT CONTINUOUS – HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

I. FORMS – CÔNG THỨC

1. Câu khẳng định

Công thức	S + am/ is/ are+ Ving
	- I + am + Ving - He/ She/ It/ Danh từ số ít/ Danh từ không đếm được + is + Ving - You/ We/ They/ Danh từ số nhiều + are + Ving
Ví dụ	- I am studying Math now. (Tôi đang học toán.) - He is baking a cake. (Anh ấy đang nướng bánh) - She is talking on the phone. (Cô ấy đang nói chuyện trên điện thoại) - They are singing a song together. (Họ đang hát cùng nhau một bài hát)

- Với các từ có tận cùng là “e”, khi chuyển sang dạng ing thì sẽ bỏ đuôi “e” và thêm “ing” luôn. (**use – using; pose – posing; improve – improving; change – changing**)

- Động từ kết thúc bằng một phụ âm (trừ h, w, x, y), đi trước là một nguyên âm, ta gấp đôi phụ âm trước khi thêm “ing. (**stop – stopping; run – running, begin – beginning**)

- Động từ kết thúc là “ie” thì khi thêm “ing”, thay “ie” vào “y” rồi thêm “ing”. (**lie – lying; die – dying**)

2. Câu phủ định

Công thức	S + am/are/is + not + Ving
Chú ý (Viết tắt)	is not = isn’t are not = aren’t
Ví dụ	- I am not cooking dinner. (Tôi đang không chuẩn bị bữa tối.) - She is not (isn’t) watching the news with her grandmother. (Cô ấy đang không xem thời sự với bà) - Be careful! I think they are lying. (Cẩn thận đấy! Tôi nghĩ họ đang nói dối)

3. Câu nghi vấn

a. Câu nghi vấn sử dụng trợ động từ (Câu hỏi Yes/ No)

Công thức	Q: Am/ Is/ Are + S + Ving? A: Yes, S + am/is/are. No, S + am/is/are + not.
Ví dụ	Q: Are you taking a photo of me? (Bạn đang chụp ảnh tôi phải không?) A: Yes, I am. Q: Is she going out with you? (Cô ấy đang đi chơi cùng bạn có phải không?) A: No, she isn’t.

b. Câu nghi vấn sử dụng từ hỏi bắt đầu bằng Wh-

Công thức	Wh- + am/ are/ is (not) + S + Ving?
Ví dụ	- What are you doing? (Bạn đang làm gì vậy) - What is he studying right now? (Anh ta đang học gì vậy)

II. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

Thì hiện tại tiếp diễn có các dấu hiệu nhận biết như sau:

Trạng từ chỉ thời gian:	<ul style="list-style-type: none"> - Now: Bây giờ - Right now: Ngay bây giờ - At the moment: Ngay lúc này - At present: Hiện tại - It's + giờ cụ thể + now (It's 12 o'clock now)
Trong câu có các động từ như:	<ul style="list-style-type: none"> - Look!/ Watch! VD: Look! A girl is jumping from the bridge! (Nhìn kìa! Cô gái đang nhảy từ trên cầu xuống!) - Listen! VD: Listen! Someone is crying! (Nghe này! Ai đó đang khóc.) - Keep silent! VD: Keep silent! The teacher is saying the main point of the lesson! (Trật tự! Cô giáo đang giảng đến phần chính của cả bài!) - Watch out! = Look out! VD: Watch out! The train is coming! (Coi chừng! Đoàn tàu đang đến gần kìa!)

III. CÁCH SỬ DỤNG THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

Hiện tại tiếp diễn

Diễn tả một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói.



IV. EXERCISE

Exercise 1: Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. Be careful! The car (go) so fast.
2. Listen! Someone (cry) in the next room.
3. your brother (sit) next to the beautiful girl over there at present?
4. Now they (try) to pass the examination.
5. It's 12 o'clock, and my parents (cook) lunch in the kitchen.
6. Keep silent! You (talk) so loudly.
7. I (not stay) at home at the moment.
8. Now she (lie) to her mother about her bad marks.
9. At present they (travel) to New York.
10. He (not work) in his office now.
11. My father (water) some plants in the garden right now.
12. Be quiet! The baby (sleep) in his room.
13. John and Jack (clean) the kitchen at present?
14. Now, they (have) dinner with their friends in the restaurant.
15. Look! My student (draw) a beautiful picture.

Exercise 2: Multiple choice – Chọn đáp án đúng

1. Andrew has just started evening classes. He German.
 A. are learning B. is learning C. am learning D. learning
2. The workers a new house right now.
 A. are building B. am building C. is building D. build
3. Tom two poems at the moment?
 A. Are writing B. Are writeing C. Is writeing D. Is writing
4. The chief engineer all the workers of the plant now.
 A. is instructing B. are instructing C. instructs D. instruct
5. He his pictures at the moment.
 A. isn't paint B. isn't painting C. aren't painting D. don't painting
6. We the herbs in the garden at present.
 A. don't plant B. doesn't plant C. isn't planting D. aren't planting
7. they the artificial flowers of silk now?
 A. are..... makeing B. is making C. are making D. is making
8. Your father your motorbike at the moment.
 A. is repairing B. are repairing C. don't repair D. doesn't repair
9. Look! The man the children to the cinema.
 A. is takeing B. are taking C. is taking D. are takeing
10. Listen! The teacher..... a new lesson to us.
 A. is explaining B. are explaining C. explain D. explains
11. They tomorrow.
 A. are coming B. is coming C. coming D. comes
12. The children watching TV now.
 A. be B. am C. is D. are
13. My pet right now.
 A. is sleeping B. are sleeping C. sleeps D. sleep

